

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 08 / 8 /2018

“V/v: Không công nhận là
vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Sự
- Bà H' Wai H'Mók.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2018 /TLST-DS ngày 04/6/2018. Về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hồng L - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 18 B, xã Ea , huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 16, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa bà Ngô Thị Hồng L trình bày: Tôi và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện về sống chung từ năm 1993 mà không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung do hai người không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xô xát, cãi vã. Ông C thường xuyên rượu chè, ngoại tình về nhà chửi mắng đánh đập tôi. Rất nhiều lần tôi đã nhờ địa phương can thiệp giúp đỡ nhưng ông C vẫn cứng đầu tịt đầu. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn tôi đã bỏ nhà đi làm thuê từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai nữa. Nên tôi xác định tình cảm giữa tôi đối với ông C là không còn nữa nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa tôi và ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Phương L - sinh năm 1994 và Nguyễn Thị M- Sinh năm 1997. Hiện nay Nguyễn Phương L đã có gia đình và có công việc ổn định; Nguyễn Thị M đã có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi có một căn nhà trên lô đất thổ cư tọa lạc tại : Thôn 18 B, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã bán trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn lại chúng tôi đã mua 01 căn nhà khác tọa lạc tại thôn 16, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay ông C đang sinh sống ở đó tôi thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho ông C quản lý và sử dụng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập và niêm yết các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được:

Qua triệu tập Nguyễn Phương L - sinh ngày 1994 và Nguyễn Thị M- Sinh ngày 1997 là con chung của bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C trình bày: Trong cuộc sống giữa bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C do ông C thường xuyên rượu chè say sấn về chửi bới, đánh đập mẹ là bà L rất nhiều lần nay mẹ của chúng tôi bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ba chúng tôi là ông Nguyễn Văn C. Chúng tôi đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ tôi là bà Ngô Thị Hồng L.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng L.

Tuyên bố: Không công nhận bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Ngô Thị Hồng L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Hồng L không đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn C. Bà Ngô Thị Hồng L khởi kiện về việc “Không công nhận là vợ chồng” với ông Nguyễn Văn C, Địa chỉ: Thôn 16, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk

Lắc. Vụ án được thụ lý và giải quyết về tranh chấp hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C hai người tự nguyện sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét trong quá trình chung sống giữa bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C, do ông C thường xuyên rượu chè, ngoại tình về chửi mắng đánh đập bà L rất nhiều lần, bà L không thể sống chung với ông C đã bỏ đi làm thuê sinh sống từ tháng 6/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa kể cả vật chất lẫn tinh thần. Bà Ngô Thị Hồng L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C cư trú được biết: Bà L và ông C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, trong cuộc sống chung giữa bà L và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh đập chửi bới lẫn nhau. Chính quyền thôn, xã và gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhưng sự việc vẫn tái diễn, hiện nay bà L đã bỏ đi khỏi địa phương, chỉ có ông C sinh sống một mình. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng đối với ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng L.

[2.1] Tuyên bố không công nhận giữa bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Các con đã lớn và có công việc ổn định nên không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Bà Ngô Thị Hồng L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng L.

Tuyên bố: Không công nhận bà Ngô Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã lớn và có công việc ổn định nên không đặt ra đề giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về án phí: Bà Ngô Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Ngô Thị Hồng L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0002832 ngày 01/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn; Bà Ngô Thị Hồng L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Ea bar;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Eawer;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Tuyết